

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **146/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 22-8-2024

“V/v ly hôn và tranh chấp về con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên toà: Ông Trần Duy Đức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Việt Thống

2. Bà Trần Thị Liên

Thư ký phiên toà: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 626/2024/TLST–HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp về ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thùy T, sinh năm: 1999; Địa chỉ: Số C H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn P, sinh năm: 1998; Địa chỉ: Số B H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Thùy T trình bày có nội dung:

Chị Lê Thị Thùy T và anh Trần Văn P là vợ chồng hợp pháp chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai vào ngày 30/01/2023.

Quá trình chung sống chị T và anh P có 01 con chung là Trần Thị Anh T1, sinh ngày 30/01/2024.

Trong thời gian chung sống do chị T và anh P không hòa hợp, và không quan tâm đến vợ con, hay cãi vã và có lời qua tiếng lại với nhau. Chị T và anh P đã sống ly thân từ ngày 15/5/2024. Đến nay do không thể sống với nhau được nữa nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Trần Thị Anh T1, sinh ngày 30/01/2024 đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Văn P trình bày có nội dung:

Anh Trần Văn P và chị Lê Thị Thùy T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai vào ngày 30/01/2023.

Quá trình chung sống anh, chị có 01 con chung là Trần Thị Anh T1, sinh ngày 30/01/2024.

Trong quá trình chung sống, anh P và chị T không có xảy ra mâu thuẫn gì, vợ chồng thì cũng có lời qua tiếng lại một vài câu, xong thì thôi. Đến nay chị T có làm đơn ly hôn thì anh P không mong muốn, anh P không muốn ly hôn và mong vợ chồng đoàn tụ với con cái để được hạnh phúc cùng con cái.

Về con chung: Nếu chị T vẫn nhất quyết ly hôn thì anh P không đồng ý giao con cho vợ nuôi dưỡng, anh P có nguyện vọng nuôi cháu Trần Thị Anh T1, sinh ngày 30/01/2024 đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh P không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

- *Về tố tụng*: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với đương sự (nguyên đơn, bị đơn): Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Thùy T về việc yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Trần Văn P. Về con chung: Giao con chung cháu Trần Thị Anh T1, sinh ngày 30/01/2024 cho chị Lê Thị Thùy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trần Thị Anh T1 đủ tuổi thành niên. Anh Trần

Văn P có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị Thùy T không yêu cầu anh Trần Văn P phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra để giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Thùy T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị Thùy T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Trần Văn P, do vậy, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Lê Thị Thùy T và anh Trần Văn P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai vào ngày 30 tháng 01 năm 2023, trên cơ sở tự nguyện là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống với nhau do không hòa hợp, vợ chồng cãi vã, lời qua tiếng lại với nhau. Anh P không quan tâm đến vợ con, hiện tại chị T và anh P đã sống ly thân từ ngày 15/5/2024 cho đến nay. Đến nay do không thể chung sống với nhau được nữa nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn P.

[2.2] Ý kiến của bị đơn anh Trần Văn P xác định vợ chồng đôi khi cũng có lời qua tiếng lại nhưng xong thì thôi, vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn gì, anh P không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để được hạnh phúc. Anh P xác định vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 05/2024 cho đến nay. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì anh P cũng cố gắng hàn gắn, tại phiên tòa anh P trình bày anh vẫn không đồng ý ly hôn nhưng nếu chị T vẫn nhất quyết ly hôn thì anh P không có ý kiến gì.

[2.3] Theo biên bản xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương được biết: Quá trình chung sống thì chị T và anh P có xảy ra mâu thuẫn và đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tuy nhiên, chị T không yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải mà chuyển đến Tòa án giải quyết. Nay chị T làm đơn xin ly hôn với anh P thì địa phương cung cấp những thông tin như trên để Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét về mâu thuẫn giữa chị T và anh P là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Trần Thị Anh T1, sinh ngày 30/01/2024. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 đến tuổi trưởng thành, ý kiến của anh P là đồng ý giao cháu T1 cho chị T nuôi dưỡng. Hiện nay cháu T1 còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ và để đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của cháu T1 nên cần giao cháu Trần Thị Anh T1 cho chị Lê Thị Thùy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết, là phù hợp theo quy định tại Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Thùy T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thùy T.

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thùy T được ly hôn với anh Trần Văn P.

Về con chung: Giao con chung cháu Trần Thị Anh T1, sinh ngày 30/01/2024 cho chị Lê Thị Thùy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trần Thị Anh T1 đủ tuổi thành niên.

Anh Trần Văn P có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị Thùy T không yêu cầu anh Trần Văn P phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số AA/2023/0013011 ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp Buôn Ma Thuột;
- UBND xã Ia Boong, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Duy Đức